TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 27&28/09/2026

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
1	Trần Vân Anh	Nữ	04/07/2003	Nghệ An	Kinh	040303020952	5.7	5.5	91/DCV/T/461/26	DCVTH260091	30/09/2026	
2	Lô Thị Ánh Bảo	Nữ	28/06/2004	Nghệ An	Thái	040304023189	5.0	6.5	92/DCV/T/461/26	DCVTH260092	30/09/2026	
3	Trần Đình Bình	Nam	19/08/1981	Nghệ An	Kinh	040081018548	6.7	7.5	93/DCV/T/461/26	DCVTH260093	30/09/2026	
4	Cao Thị Lê Chi	Nữ	02/05/2004	Nghệ An	Kinh	040304015069	5.3	6.0	94/DCV/T/461/26	DCVTH260094	30/09/2026	
5	Phạm Thị Linh Chi	Nữ	01/05/2005	Nghệ An	Kinh	040305017521	6.7	6.5	95/DCV/T/461/26	DCVTH260095	30/09/2026	
6	Vũ Thị Hồng Dịu	Nữ	23/04/2003	Nghệ An	Kinh	040303025576	5.3	7.0	96/DCV/T/461/26	DCVTH260096	30/09/2026	
7	Đặng Quốc Dũng	Nam	17/07/1992	Hà Tĩnh	Kinh	042092008373	7.3	8.5	97/DCV/T/461/26	DCVTH260097	30/09/2026	
8	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	17/06/1998	Nghệ An	Kinh	040198023757	5.3	7.0	98/DCV/T/461/26	DCVTH260098	30/09/2026	
9	Lê Quang Huy	Nam	04/12/2003	Nghệ An	Kinh	040203002170	7.0	7.5	99/DCV/T/461/26	DCVTH260099	30/09/2026	
10	Vi Thị Thùy Linh	Nữ	19/12/2004	Nghệ An	Thái	040304006887	8.3	6.5	100/DCV/T/461/26	DCVTH260100	30/09/2026	
11	Lê Khánh Ly	Nữ	07/11/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304007251	7.3	7.5	101/DCV/T/461/26	DCVTH260101	30/09/2026	
12	Vũ Thị Oanh	Nữ	28/09/1994	Nghệ An	Kinh	040194008321	7.3	9.0	102/DCV/T/461/26	DCVTH260102	30/09/2026	
13	Hồ Nhật Quỳnh	Nữ	21/12/2001	Hà Tĩnh	Kinh	042301012363	7.0	9.0	103/DCV/T/461/26	DCVTH260103	30/09/2026	
14	Lê Thị Thơm	Nữ	20/08/1992	Hà Tĩnh	Kinh	042192010744	6.7	9.0	104/DCV/T/461/26	DCVTH260104	30/09/2026	
15	Cao Quỳnh Trang	Nữ	20/02/2005	Nghệ An	Kinh	040305016678	5.7	7.5	105/DCV/T/461/26	DCVTH260105	30/09/2026	
16	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	27/06/2004	Nghệ An	Kinh	040304026380	5.3	7.0	106/DCV/T/461/26	DCVTH260106	30/09/2026	
17	Hoàng Huyền Trang	Nữ	12/12/2001	Nghệ An	Kinh	040301005929	7.0	7.0	107/DCV/T/461/26	DCVTH260107	30/09/2026	
18	Trần Đình Tuấn	Nam	07/01/2002	Nghệ An	Kinh	040202023779	7.0	7.5	108/DCV/T/461/26	DCVTH260108	30/09/2026	
19	Trương Thị Ngọc Bích	Nữ	17/08/2005	Nghệ An	Thổ	040305001139	5.7	6.0	109/DCV/T/461/26	DCVTH260109	30/09/2026	
20	Phan Tài Đại	Nam	13/05/1987	Nghệ An	Kinh	040087004841	7.7	7.0	110/DCV/T/461/26	DCVTH260110	30/09/2026	
21	Kha Thị Giang	Nữ	17/11/1995	Nghệ An	Thái	040195030820	5.3	8.0	111/DCV/T/461/26	DCVTH260111	30/09/2026	
22	Hà Thị Thanh Hảo	Nữ	05/03/2004	Nghệ An	Kinh	040304024635	5.3	8.5	112/DCV/T/461/26	DCVTH260112	30/09/2026	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
23	Vi Thị Huyền Hảo	Nữ	04/06/2004	Nghệ An	Thái	040304016381	6.3	8.0	113/DCV/T/461/26	DCVTH260113	30/09/2026	
24	Bùi Thúy Hiền	Nữ	26/09/2003	p. Hải Phòn	Kinh	030303011789	6.0	7.5	114/DCV/T/461/26	DCVTH260114	30/09/2026	
25	Hoàng Thị Hiền	Nữ	18/06/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304002323	8.0	8.0	115/DCV/T/461/26	DCVTH260115	30/09/2026	
26	Trần Thị Huyền	Nữ	15/12/2002	Nghệ An	Kinh	040302007898	5.3	8.5	116/DCV/T/461/26	DCVTH260116	30/09/2026	
27	Nguyễn Thị Trang Linh	Nữ	04/09/2002	Nghệ An	Kinh	040302006465	7.0	6.5	117/DCV/T/461/26	DCVTH260117	30/09/2026	
28	Hoàng Trúc Linh	Nữ	04/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304008919	6.3	6.5	118/DCV/T/461/26	DCVTH260118	30/09/2026	
29	Nguyễn Phan Hoàng Lộc	Nam	16/02/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042204013534	6.7	7.5	119/DCV/T/461/26	DCVTH260119	30/09/2026	
30	Đặng Thị Ngọc	Nữ	04/08/2003	Nghệ An	Kinh	040303021823	6.3	6.5	120/DCV/T/461/26	DCVTH260120	30/09/2026	
31	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	07/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304026195	8.0	9.0	121/DCV/T/461/26	DCVTH260121	30/09/2026	
32	Nguyễn Thị Huệ Nhi	Nữ	26/08/2002	Nghệ An	Kinh	040302006883	6.3	7.0	122/DCV/T/461/26	DCVTH260122	30/09/2026	
33	Lê Thị Phương	Nữ	10/09/2001	Nghệ An	Thổ	040301022659	6.7	7.0	123/DCV/T/461/26	DCVTH260123	30/09/2026	
34	Phạm Công Thái	Nam	11/04/1989	Nghệ An	Kinh	040089002381	6.7	6.5	124/DCV/T/461/26	DCVTH260124	30/09/2026	
35	Phạm Thị Quỳnh Thơ	Nữ	19/09/1999	Nghệ An	Kinh	040199001265	5.7	7.0	125/DCV/T/461/26	DCVTH260125	30/09/2026	
36	Nguyễn Thị Anh Thơ	Nữ	28/07/1993	Nghệ An	Kinh	040193004363	7.3	8.0	126/DCV/T/461/26	DCVTH260126	30/09/2026	
37	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	Nữ	10/11/1989	Nghệ An	Kinh	040189021222	6.0	7.5	127/DCV/T/461/26	DCVTH260127	30/09/2026	
38	Dương Thị Xuân Tình	Nữ	08/02/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304003233	6.0	7.0	128/DCV/T/461/26	DCVTH260128	30/09/2026	
39	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	14/02/2005	Nghệ An	Kinh	040305022149	6.7	5.5	129/DCV/T/461/26	DCVTH260129	30/09/2026	
40	Phan Đình Văn	Nam	22/07/1999	Nghệ An	Kinh	040099021092	8.3	9.0	130/DCV/T/461/26	DCVTH260130	30/09/2026	
41	Đặng Văn Anh	Nam	24/08/1995	Nghệ An	Kinh	040095014639	7.7	8.0	131/DCV/T/461/26	DCVTH260131	30/09/2026	
42	Thái Tiến Đạt	Nam	22/11/2003	Nghệ An	Kinh	040203013810	7.3	8.0	132/DCV/T/461/26	DCVTH260132	30/09/2026	
43	Trần Viết Hiếu	Nam	22/06/2004	Nghệ An	Kinh	040204003507	5.7	7.5	133/DCV/T/461/26	DCVTH260133	30/09/2026	
44	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	05/06/1991	Nghệ An	Kinh	040191037341	8.3	7.5	134/DCV/T/461/26	DCVTH260134	30/09/2026	
45	Võ Thị Thanh Huyền	Nữ	19/01/2003	Nghệ An	Kinh	040303007356	6.0	8.0	135/DCV/T/461/26	DCVTH260135	30/09/2026	
46	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	02/09/2005	Thanh Hóa	Kinh	038305020029	8.0	8.5	136/DCV/T/461/26	DCVTH260136	30/09/2026	
47	Nguyễn Bảo Linh	Nữ	06/12/2004	Nghệ An	Kinh	040304007100	6.7	6.0	137/DCV/T/461/26	DCVTH260137	30/09/2026	
48	Nguyễn Trà My	Nữ	24/09/2004	Nghệ An	Kinh	040304013592	6.0	9.0	138/DCV/T/461/26	DCVTH260138	30/09/2026	
49	Phan Thị Khăm My	Nữ	07/01/2004	Nghệ An	Thái	040304002133	5.3	6.0	139/DCV/T/461/26	DCVTH260139	30/09/2026	
50	Nguyễn Thị Ngọc Ngà	Nữ	16/01/1999	Nghệ An	Kinh	040199003767	8.3	9.0	140/DCV/T/461/26	DCVTH260140	30/09/2026	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ngày cấp	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành				
51	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Nữ	03/07/2005	Nghệ An	Kinh	040305003745	7.7	8.0	141/DCV/T/461/26	DCVTH260141	30/09/2026	
52	Thái Thị Quỳnh Như	Nữ	26/10/1996	Nghệ An	Kinh	040196002596	5.7	5.0	142/DCV/T/461/26	DCVTH260142	30/09/2026	
53	Trần Cẩm Nhung	Nữ	03/01/2004	Quảng Trị	Kinh	045304001159	6.7	8.0	143/DCV/T/461/26	DCVTH260143	30/09/2026	
54	Thái Thị Thanh Tâm	Nữ	24/12/2005	Nghệ An	Kinh	040305016347	8.3	7.5	144/DCV/T/461/26	DCVTH260144	30/09/2026	
55	Lê Văn Thanh	Nam	07/11/2003	Nghệ An	Kinh	040203022597	5.0	5.0	145/DCV/T/461/26	DCVTH260145	30/09/2026	
56	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	15/11/2000	Nghệ An	Kinh	040300023738	7.0	6.0	146/DCV/T/461/26	DCVTH260146	30/09/2026	
57	Nguyễn Thị Thiện	Nữ	20/12/1992	Nghệ An	Kinh	040192033111	7.0	7.0	147/DCV/T/461/26	DCVTH260147	30/09/2026	
58	Lê Thị Trang	Nữ	06/10/1999	Nghệ An	Kinh	040199015552	6.3	7.5	148/DCV/T/461/26	DCVTH260148	30/09/2026	
59	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	20/11/2003	Hà Tĩnh	Kinh	042303005315	6.3	7.5	149/DCV/T/461/26	DCVTH260149	30/09/2026	
60	Trần Thị Trang	Nữ	01/08/2004	Nghệ An	Kinh	040304009059	5.0	8.5	150/DCV/T/461/26	DCVTH260150	30/09/2026	